

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 9 – 2022

*“V/v xin ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Tâm

Ông Trương Công Minh

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 385/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 136, đường T, khóm 1, phường 8, thành phố C, tỉnh M.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bà Điều, xã V, thành phố C, tỉnh M

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng H trình bày:*

Về hôn nhân: Ông với bà Nguyễn Hồng T kết hôn với nhau vào ngày 16/01/2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố C, tỉnh M, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H Tr, sinh ngày 16/8/2006, hiện đang sống với ông H. Khi ly hôn ông H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H xác định không có.

Về nợ chung: Ông H xác định không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

*Bị đơn là bà Nguyễn Hồng T:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà T biết tham gia tố tụng tại vụ án, nhưng bà đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu của ông H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Hồng T đến để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Ông H và bà T tự nguyện kết hôn vào ngày 16/01/2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lý Văn Lâm, thành phố C, tỉnh M đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Ông H yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống ông H xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau từ cuối năm 2020 đến nay, không còn tình cảm với nhau, ông xác định không thể tiếp tục chung sống với bà T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T. Đối với bà T đã biết việc ông H xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của ông H và chấp nhận cho ông H ly hôn với bà T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H Tr, sinh ngày 16/8/2006. Khi ly hôn ông H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr. Bà T không có ý kiến về yêu cầu này của ông H. Cháu Tr cũng có nguyện vọng được sống cùng anh H khi cha mẹ ly hôn và hiện cháu cũng đang sống cùng ông H, để tránh xáo trộn sinh hoạt hàng ngày của cháu nên tiếp tục giao cháu cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, ông H không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với bà T, đây là sự tự nguyện của ông H, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có, bà T không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của ông H.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình, ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Trọng H ly hôn với bà Nguyễn Hồng T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc H Tr, sinh ngày 16/8/2016 cho ông Nguyễn Trọng H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Hồng T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng H phải chịu 300.000đồng. Ngày 01/7/2022, ông H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0001658 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, Tp. C, tỉnh M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Nhiêu**